

Số: ~~1293~~/QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày ~~13~~ tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế để công nhận chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-BTP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Bộ Tư pháp ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 3776/NQ-HĐTĐHLHN ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Luật Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 5050/QĐ-ĐHLHN ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ, chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Luật Hà Nội.

(Có danh sách cụ thể kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *m*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy, Hội đồng trường (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Cổng thông tin điện tử (để công khai);
- Lưu: VT, ĐTDH.



Q.HIỆU TRƯỞNG

Tô Văn Hòa

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ,
CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ - ĐỢT 2, ĐỢT 3**

(Kèm theo Quyết định số 1293/QĐ-DHLHN ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

STT	HỌ VÀ TÊN	MSSV	LỚP	LOẠI CHỨNG CHỈ	ĐẠT TRÌNH ĐỘ	CƠ SỞ CẤP CHỨNG CHỈ
1	Vũ Thu Thảo	451229	4512	JLPT	N2	Quỹ giao lưu Quốc tế Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản
2	Đỗ Thu Uyên	451254	4512	JLPT	N2	Quỹ giao lưu Quốc tế Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản
3	Trần Bích Hằng	453339	4533	IELTS	Bậc 5/6	IDP
4	Phạm Thuý Hằng	460123	4601	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 4/6; Writing: Bậc 5/6	IIG Việt Nam
5	Dương Hồng Linh	460130	4601	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 3/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 4/6	IIG Việt Nam
6	Nhâm Hồ Khánh Linh	460158	4601	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 3/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 5/6	IIG Việt Nam
7	Trần Thị Kim Cúc	460209	4601	HSK4+HSKK	Bậc 4/6	Viện Khổng Tử - Trường Đại học Hà Nội
8	Vũ Quỳnh Hà	460219	4602	VSTEP	Bậc 3/6	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
9	Hoàng Quốc Khánh	460225	4602	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 3/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 4/6	IIG Việt Nam
10	Nguyễn Thị Mai Linh	460229	4602	IELTS	Bậc 5/6	British Council
11	Đỗ Minh Thư	460257	4602	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 3/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 4/6	IIG Việt Nam
12	Trần Thị Phương Anh	460305	4603	IELTS	Bậc 5/6	IDP
13	Đoàn Minh Ngọc	460336	4603	IELTS	Bậc 4/6	British Council
14	Vũ Phương Linh	460361	4603	IELTS	Bậc 4/6	British Council
15	Ngô Hoàng Hà Phương	460432	4604	IELTS	Bậc 5/6	British Council
16	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	460433	4604	HSK3+HSKK	Bậc 4/6	Viện Khổng Tử - Trường Đại học Hà Nội
17	Lê Quỳnh Trang	460546	4605	IELTS	Bậc 5/6	British Council
18	Đặng Vũ Khánh Linh	460624	4606	IELTS	Bậc 5/6	British Council
19	Cầm Hà Trang	460648	4606	IELTS	Bậc 3/6	British Council
20	Tạ Hà Chi	460707	4607	HSK4+HSKK	Bậc 4/6	Đại học Thái Nguyên
21	Lương Ngân Hà	460715	4607	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 5/6	IIG Việt Nam
22	Lê Ngọc Lan	460723	4607	IELTS	Bậc 4/6	IDP
23	Nguyễn Minh Quang	460839	4608	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 4/6; Writing: Bậc 5/6	IIG Việt Nam
24	Nguyễn Anh Tuấn Lan	460920	4609	IELTS	Bậc 4/6	British Council
25	Nguyễn Thị Diệu Ly	460924	4609	HSK3+HSKK	Bậc 3/6	Trường Đại học Đông Á
26	Nguyễn Duy Hà Ngân	460929	4609	IELTS	Bậc 4/6	British Council
27	Phạm Mai Thảo	460942	4609	HSK4+HSKK	Bậc 4/6	Trường Đại học Hà Nội
28	Dương Lưu Nam Anh	461003	4610	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 4/6	IIG Việt Nam
29	Lê Trương Huyền My	461230	4612	VSTEP	Bậc 4/6	Đại học Bách khoa Hà Nội

12

30	Phạm Hà My	461231	4612	IELTS	Bậc 4/6	IDP
31	Phan Hoàng Tú Anh	461404	4614	IELTS	Bậc 3/6	Bristish Council
32	Trịnh Bá Hoàng Dương	461411	4614	IELTS	Bậc 5/6	Bristish Council
33	Nguyễn Trần Như Quỳnh	461459	4614	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 3/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 4/6	IIG Việt Nam
34	Phạm Đức Huy	461621	4616	VSTEP	Bậc 4/6	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
35	Tạ Ngọc Linh	461829	4618	IELTS	Bậc 5/6	Bristish Council
36	Nguyễn Thanh Phương	461940	4619	IELTS	Bậc 4/6	Bristish Council
37	Đặng Chí Thành	461943	4619	IELTS	Bậc 4/6	Bristish Council
38	Phạm Kim Thư	461949	4619	IELTS	Bậc 5/6	Bristish Council
39	Bùi Ngọc An	462001	4620	IELTS	Bậc 5/6	Bristish Council
40	Nguyễn Bảo Hân	462015	4620	IELTS	Bậc 4/6	Bristish Council
41	Nguyễn Huyền Trang	462052	4620	TOEIC	Reading & Listening: Bậc 4/6 Speaking: Bậc 3/6; Writing: Bậc 4/6	IIG Việt Nam
42	Nguyễn Thị Trúc	462054	4620	IELTS	Bậc 5/6	Bristish Council
43	Trần Đình Phương Uyên	462056	4620	IELTS	Bậc 4/6	Bristish Council
44	Lê Thị Thuý An	462101	4621	IELTS	Bậc 5/6	Bristish Council
45	Nguyễn Huyền Thương	462149	4621	VSTEP	Bậc 4/6	Trường Đại học Hà Nội
46	Trần Khánh Huyền	462215	4622	IELTS	Bậc 4/6	IDP
47	Nguyễn Mai Chi	462312	4623	IELTS	Bậc 4/6	Bristish Council
48	Trần Quang Huy	462325	4623	IELTS	Bậc 5/6	IDP
49	Nguyễn Khánh Linh	462329	4623	IELTS	Bậc 5/6	IDP
50	Đặng Hoàng Linh	462430	4624	IELTS	Bậc 5/6	Bristish Council
51	Nguyễn Nhật Minh	462437	4624	IELTS	Bậc 4/6	IDP
52	Hoàng Lê Việt Nga	462439	4624	IELTS	Bậc 5/6	IDP
53	Dương Minh Tú	462454	4624	IELTS	Bậc 5/6	Bristish Council
54	Trần Lê Ngọc Minh	462535	4625	IELTS	Bậc 5/6	Bristish Council
55	Trần Tuấn Anh	462608	4626	IELTS	Bậc 5/6	IDP
56	Nguyễn Việt Dũng	462614	4626	IELTS	Bậc 5/6	Bristish Council
57	Lê Thị Minh Thu	462646	4626	IELTS	Bậc 5/6	Bristish Council
58	Hà Trang	462650	4626	IELTS	Bậc 5/6	Bristish Council
59	Lê Châu Anh	462702	4627	IELTS	Bậc 4/6	IDP
60	Nguyễn Nhật Anh	462704	4627	IELTS	Bậc 5/6	Bristish Council
61	Nguyễn Thạc Bảo Duy	462707	4627	IELTS	Bậc 4/6	Bristish Council
62	Nguyễn Công Hiếu	462711	4627	IELTS	Bậc 5/6	IDP
63	Nguyễn Thục Linh	462721	4627	IELTS	Bậc 4/6	Bristish Council
64	Trương Quỳnh Mai	462725	4627	IELTS	Bậc 5/6	Bristish Council

m

65	Phan Thu Ngân	462729	4627	IELTS	Bậc 5/6	British Council
66	Lê Quang Nhật	462730	4627	IELTS	Bậc 4/6	British Council
67	Trần Hoàng Hạnh Nhi	462731	4627	IELTS	Bậc 5/6	British Council
68	Vũ Bình	462805	4628	VSTEP	Bậc 4/6	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
69	Nguyễn Quốc Bảo	462832	4628	IELTS	Bậc 5/6	IDP
70	Đỗ Khánh Linh	462917	4629	IELTS	Bậc 5/6	British Council
71	Nguyễn Khắc Lê Minh	462922	4629	IELTS	Bậc 5/6	IDP
72	Vũ Quang Sáng	462932	4629	IELTS	Bậc 5/6	British Council
73	Đào Thái Nam	462934	4629	VSTEP	Bậc 4/6	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
74	Cao Ngọc Ánh	463002	4630	IELTS	Bậc 5/6	British Council
75	Tào Nam Khánh	463015	4630	IELTS	Bậc 5/6	British Council
76	Nguyễn Ngọc Phương Linh	463018	4630	IELTS	Bậc 4/6	IDP
77	Nguyễn Ngọc Minh	463023	4630	IELTS	Bậc 4/6	British Council
78	Thái Minh Nhân	463029	4630	IELTS	Bậc 4/6	IDP
79	Đỗ Thị Thanh Tâm	463035	4630	IELTS	Bậc 5/6	IDP
80	Nguyễn Hà Khánh Linh	463116	4631	IELTS	Bậc 4/6	British Council
81	Đặng Trần Minh Ngọc	463122	4631	IELTS	Bậc 5/6	IDP
82	Nguyễn Khánh Linh	463215	4632	IELTS	Bậc 5/6	IDP
83	Nguyễn Văn Linh	463218	4632	IELTS	Bậc 4/6	British Council
84	Trần Duy Minh	463224	4632	IELTS	Bậc 5/6	British Council
85	H Nê Vang Byă	463410	4634	VSTEP	Bậc 3/6	Trường Đại học Văn Lang
86	Nguyễn Sỹ Lê Duy	463415	4634	VSTEP	Bậc 3/6	Trường Đại học Văn Lang
87	Phạm Quỳnh Liên	463436	4634	HSK3+HSKK	Bậc 3/6	Viện Khổng Tử - Trường Đại học Hà Nội
88	Tô Lê Bảo Ngọc	463448	4634	VSTEP	Bậc 3/6	Trường Đại học Văn Lang
89	Đinh Thoại Yến Nhi	463450	4634	VSTEP	Bậc 3/6	Trường Đại học Văn Lang
90	Đỗ Ngọc Quý	463455	4634	IELTS	Bậc 5/6	British Council
91	Nguyễn Thanh Tâm	463457	463457	VSTEP	Bậc 3/6	Trường Đại học Văn Lang
92	Ngũ Thị Hồng Thắm	463461	4634	VSTEP	Bậc 3/6	Trường Đại học Văn Lang
93	Trần Văn Dữ	463479	4634	VSTEP	Bậc 3/6	Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn
94	Lê Doãn Huân	463527	4635	VSTEP	Bậc 3/6	Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh

Danh sách gồm 94 sinh viên./.

Danh sách gồm 94 sinh viên./.